

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/DS-ST

Ngày 24 -7-2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
tặng cho quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Trương Huy

2. Ông Nguyễn Bá Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 24/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2018/DS-ST ngày 23/5/2018, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-DS ngày 01/7/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Thị H – sinh năm 1943; cư trú tại: Ấp x, xã y, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt)

Người giám hộ của bà Đinh Thị H : Cao Văn M – sinh năm 27/5/1969; cư trú tại: Ấp x, xã y, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; (có mặt)

- Bị đơn: Ông Cao Văn T – sinh năm 1974; cư trú tại: Ấp x, xã y, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Huỳnh Ngọc H – Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Cao Văn Q – sinh năm 1996; cư trú tại: Ấp x, xã y, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; (vắng mặt)

2. Ông Cao Văn T – sinh năm 1995; cư trú tại: Ấp x, xã y, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; (vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị P – sinh năm 1974; cư trú tại: Ấp x, xã y, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; (vắng mặt)

4. Văn Phòng công chứng PM;

Đại diện pháp luật: Ông Trần Trung K – Trưởng văn phòng;

Địa chỉ: khu phố x1, phường y1, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; (vắng mặt)

5. Văn Phòng công chứng CP;

Đại diện pháp luật: Ông Nguyễn Trường S – Trưởng Văn phòng;

Địa chỉ: Khu phố x2, phường y2, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn, đại diện nguyên đơn trình bày:

Bà và ông Cao Văn Đ chung sống từ năm 1989, có 05 người con: Bà Cao Thị Tuyết, ông Cao Văn M, bà Cao Thị H, ông Cao Văn T, bà Cao Thị Hu. Đến năm 1999, ông Cao Văn Đ chết không để lại di chúc nên những người con trong gia đình đã thỏa thuận giao cho bà được toàn quyền sở hữu và sử dụng diện tích đất là 22.237 m², thuộc thửa 21, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại xã x, huyện y, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Đến năm 2008, bà đã được Ủy ban nhân dân huyện Tân Thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên nhân tranh chấp: Năm 1999, ông T tự ý về xây nhà trên đất của bà và ở cho đến nay. Vào khoảng tháng 8 năm 2015, ông T báo với bà việc huyện mời bà đi làm giấy tờ và yêu cầu bà đưa giấy tờ đất đai cho ông T. Do tin tưởng nên bà đã giao giấy tờ cho ông Th. Đến ngày 04/6/2015, ông T đưa bà đến Phòng công chứng ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có diện tích đất 11.223 m² thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ 08, tọa lạc xã x, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà xác định tại thời điểm ký hợp đồng tặng cho ông Cao Văn T thì bà đang mắc bệnh tâm thần, bà không tự nguyện tặng cho quyền sử dụng đất mà việc ký hợp đồng công chứng là do bị lừa dối. Sau đó bà đã nhiều lần đòi giấy tờ nhưng ông T không trả. Đến năm 2017, ông Cao Văn T đã thực hiện tách thửa trên thành 02 thửa 268 và thửa 269 và tặng cho cho ông Cao Văn T và Cao Văn Q làm ảnh

hưởng đến quyền và lợi ích của bà. Vì vậy bà khởi kiện ông T yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Bà đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu các hợp đồng tặng cho bao gồm: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 871, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/6/2015 tại Văn Phòng công chứng CP, diện tích đất 11.223 m² thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ 08, tọa lạc xã x, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 1486, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/8/2015 tại Văn Phòng công chứng PM, thuộc thửa đất số 269, tờ bản đồ 08, tọa lạc xã x, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 1485, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/8/2015 tại Văn Phòng công chứng PM, thuộc thửa đất số 268, tờ bản đồ 08, tọa lạc xã x, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Cao Văn T với bà Nguyễn Thị P (là vợ của ông T) theo hợp đồng tặng cho số 1487, quyền số 02TP/CC – SCC/HĐGD ngày 04/8/2015 đối với thửa đất số 10, tờ bản đồ 08, tọa lạc tại xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh BR-VT, giữa ông Cao Văn T và bà Nguyễn Thị P.

Hậu quả của việc hợp đồng bị vô hiệu: Bà xác định lỗi dẫn đến hợp đồng bị vô hiệu thuộc về ông Cao Văn T nên bà không có trách nhiệm trong việc giải quyết hậu quả hay bồi thường cho ông Cao Văn T.

Ngoài ra nguyên đơn không trình bày gì thêm.

Quá trình tố tụng, bị đơn trình bày: Thừa nhận lời trình bày của bà Đinh Thị H về nguồn gốc đất và không bổ sung gì thêm.

Đến năm 1999, ông Cao Văn Đ, là bố đẻ, chết không để lại di chúc nên những người con trong gia đình gồm có bà Cao Thị Tuyết, ông Cao Văn M, bà Cao Thị H, bà Cao Thị Hu và ông có thỏa thuận từ chối nhận di sản giao cho bà H được toàn quyền sở hữu và sử dụng diện tích đất là 34.002 m², thuộc thửa 21, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp 1, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Từ năm 1999 đến năm 2015, ông là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc bà H và ông đã xây dựng nhà, trồng cây điều, trà trên đất.

Đến năm 2015, thì do kinh tế khó khăn (lúc này đất rất rẻ) nên ông có xin bà H cho đất để tiện canh tác thì được bà H đồng ý. Tuy nhiên để tránh phát sinh tranh chấp ông có đề nghị bà H làm giấy tờ văn bản nên ông và bà H đã đến Văn Phòng công chứng CP để ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 871, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/6/2015, với nội dung bà Đinh Thị H cho ông Cao Văn T diện tích đất diện tích đất 11.223 m² thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ 08, tọa lạc xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu. Đến năm 2015, ông đã thực hiện tách thửa thửa đất số 21, tờ bản đồ 08, thành 02 thửa 268 và thửa 269 và tặng cho hai con là Cao Văn T và Cao Văn Q theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 1486, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/8/2015 tại Văn Phòng

công chứng PM, thuộc thửa đất số 269, tờ bản đồ 08, tọa lạc xã x, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 1485, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/8/2015 tại Văn Phòng công chứng PM, thuộc thửa đất số 268, tờ bản đồ 08, tọa lạc xã x, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; và ký hợp đồng tặng cho số 1487, quyền số 02TP/CC – SCC/HĐGD ngày 04/8/2015 đối với thửa đất số 10, tờ bản đồ 08, tọa lạc tại xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh BR-VT, cho vợ ông là bà Nguyễn Thị P.

Nay ông xác định việc bà H ký hợp đồng tặng cho đất đai cho ông là hoàn toàn tự nguyện. Việc ký hợp đồng được thực hiện ở phòng công chứng đúng quy định pháp luật. Do đó ông không đồng ý yêu cầu tuyên vô hiệu các hợp đồng trên. Ông đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Ngoài ra bị đơn không trình bày gì thêm.

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Cao Căn Quý, ông Cao Văn T, bà Nguyễn Thị P trình bày: Bà Phúc, ông Thủy, ông Quý, thống nhất lời trình bày của ông Cao Văn T, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị H và xin được giải quyết vắng mặt.

Quá trình tố tụng, Văn Phòng công chứng CP trình bày: Hợp đồng tặng cho giữa bà Đinh Thị H và ông Cao Văn T được công chứng thực hiện đúng đối tượng, đúng quy trình, đúng pháp luật về công chứng hợp đồng giao dịch nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Quá trình tố tụng, Văn Phòng công chứng PM trình bày: Hợp đồng tặng cho giữa ông Cao Văn T với các ông Cao Văn Q, ông Cao Văn T, bà Nguyễn Thị P được công chứng thực hiện đúng đối tượng, đúng quy trình, đúng pháp luật về công chứng hợp đồng giao dịch nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định việc bà Đinh Thị H và ông Cao Văn T ký kết Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 871, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/6/2015, là hoàn toàn tự nguyện; tại thời điểm ký kết bà H không bị mất năng lực hành vi dân sự; các bên đã làm thủ tục sang tên theo quy định pháp luật nên hợp đồng đã có hiệu lực pháp luật. Sau đó ông T tặng cho 01 phần thửa đất cho vợ con cũng hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Thời hạn xét xử còn chậm so với thời được quy định.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và quan hệ pháp luật của vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*”.

1.2. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Đối với Văn Phòng công chứng CP, Văn Phòng công chứng PM, bà Nguyễn Thị P, ông Cao Văn T, ông Cao Văn Q tuy vắng mặt nhưng đã có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án và có đơn xin giải quyết vắng mặt, nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

1.3. Về tư cách tham gia tố tụng trong vụ án: Do bà Đinh Thị H là người có khó khăn trong nhận thức nên ông Cao Văn T tham gia là người giám hộ đại diện cho bà H. Ông Huỳnh Ngọc H không bị rút hay thay đổi nên tiếp tục tham gia tố tụng với tư cách là người có bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

[2] Xét nội dung tranh chấp và các yêu cầu của nguyên đơn:

2.1. Về hình thức hợp đồng: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 871, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/6/2015 giữa bà Đinh Thị H và ông Cao Văn T; hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 1486, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/8/2015 tại Văn Phòng công chứng PM giữa ông Cao Văn T và ông Cao Văn T; hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 1485, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/8/2015 tại Văn Phòng công chứng PM giữa ông Cao Văn T và Cao Văn Q; hợp đồng tặng cho số 1487, quyền số 02TP/CC – SCC/HĐGD ngày 04/8/2015 đối với thửa đất số 10, tờ bản đồ 08, tọa lạc tại xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh BR-VT, giữa ông Cao Văn T và bà Nguyễn Thị P, được công chứng chứng thực và đã được điều chỉnh biến động đúng quy định tại Điều 467, Điều 689, Điều 722, Điều 723 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 167 Luật đất đai. Vì vậy về hình thức hợp đồng được xác định đã đúng quy định pháp luật.

2.2. Về nội dung hợp đồng và yêu cầu của nguyên đơn:

2.2.1 Về Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 871, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/6/2015 giữa bà Đinh Thị H và ông Cao Văn T:

Nhận thấy từ lời khai của các đương sự, văn bản trả lời của Văn Phòng công chứng CP và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định vào ngày 04/6/2015, giữa

bà Đinh Thị H và ông Cao Văn T có đến Văn Phòng công chứng CP để ký kết hợp đồng tặng cho tài sản với nội dung bà H đồng ý tặng cho ông T diện tích đất 11.223 m², thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ 08, tọa lạc xã x, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). Việc tặng cho tài sản không kèm theo điều kiện nào.

Do bà H cho rằng tại thời điểm ký hợp đồng bà đang bị tâm thần nên Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định tâm thần của bà Đinh Thị H tại Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tp Hồ Chí Minh và được trả lời như sau: *“Về trả lời hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự của đương sự Đinh Thị H tại thời điểm lập hợp đồng tặng cho ngày 04/6/2015 thì không thể kết luận vì tại thời điểm này không có đủ thông tin và hồ sơ ghi nhận”*; kết quả xác minh sức khỏe của bà Đinh Thị H tại địa phương như sau *“trong thời gian từ năm 2015 cho đến nay sức khỏe bình thường, địa phương không ghi nhận và không quản lý bà Đinh Thị H thuộc đối tượng bị bệnh tâm thần”*; trả lời xác minh của ông Cao Văn M *“Bà Đinh Thị H thường bị đau đầu, mất ngủ, ăn uống vệ sinh tự chủ nhưng ăn ít, bà vẫn nhận biết con cái trong nhà. Năm 2015 bà H không được trợ cấp gì đối với người bị tâm thần ở địa phương”*. Quá trình xác minh về biến động đất thì ông Nguyễn Văn Quang, Trưởng ấp 1, xã Tóc Tiên, cho biết ông Cao Văn T xây dựng nhà từ năm 2007 và ở trên đất cho đến nay, trong thời gian này ông T cũng đã sửa chữa và coi nơi nhà.

Như vậy, cho đến phiên tòa ngày hôm nay không có chứng cứ nào chứng minh tại thời điểm ký hợp đồng tặng cho vào ngày 04/6/2015 bà H bị tâm thần dẫn đến mất khả năng nhận thức. bà H cũng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh ông T lừa dối dẫn đến bà ký hợp đồng trên. Đồng thời sau khi ký hợp đồng tặng cho phía ông T đã thực hiện các thủ tục sang tên và quản lý sử dụng đất ổn định cho đến nay.

Do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận tuyên hợp đồng tặng cho trên là vô hiệu.

2.2.1 Về yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 1486, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/8/2015, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 1485, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/8/2015 và hợp đồng tặng cho số 1487, quyền số 02TP/CC – SCC/HĐGD ngày 04/8/2015:

Nhận thấy do Hội đồng xét xử không chấp nhận tuyên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 871, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/6/2015 là vô hiệu nên ông T có các quyền của người sử dụng đất quy định tại Điều 166, Điều 167, Điều 168 Luật đất đai. Xét việc ông T tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Phúc, ông Thủy, ông Quý, là tự nguyện, trình tự thủ tục đúng quy định pháp luật; đồng thời ông T, bà Phúc, ông Quý, ông Thủy không có yêu cầu gì đối với các hợp đồng này nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để tuyên các hợp đồng trên là vô hiệu.

Từ các nhận định tại [2.1] và [2.2], Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị H đối với ông Cao Văn T về việc *“Tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản”*.

[5] *Về chi phí tố tụng*: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên bà H phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng).

[6] *Về án phí sơ thẩm*: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận nên buộc bà Đinh Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

Căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 465, Điều 467, Điều 689, Điều 722, Điều 723 Bộ luật dân sự 2005; Điều 167, Điều 168 Luật đất đai;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị H đối với ông Cao Văn T về việc “*Tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản*”.

2. Chi phí tố tụng: Bà Đinh Thị H phải chịu số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Đinh Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với những người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày được tính từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
 - VKSND thị xã Phú Mỹ, tỉnh BR-VT;
 - Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
 - Nguyên đơn, bị đơn,
- Người có QL và NV liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Bảo Ngọc